

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

MỤC LỤC

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU  
HÀNG HẢI KHU VỰC I  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018  
đã được kiểm toán**



**Được kiểm toán bởi**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM

## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	1 - 2
<b>BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN</b>	3 - 3
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán	4 - 7
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8 - 8
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 30



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2018, kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

#### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Hoa Tiêu Khu Vực I là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 5146/QĐ-TCCB-LĐ ngày 30 tháng 12 năm 1997 của Bộ Giao Thông Vận Tải và được chứng nhận đăng ký kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 103460 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 1998.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu số 4106000228 ngày 11 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và văn bản số 674/CHHVN-TCCB ngày 13/04/2009 về việc triển khai thực hiện bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty.

Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I (tên viết tắt là Công ty Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I) theo Quyết định số 1775/QĐ-BGTVT ngày 25/06/2010 của Bộ Giao Thông Vận Tải với vốn điều lệ mới là 170.220.703.425 đồng (Một trăm bảy mươi tỷ, hai trăm hai mươi triệu, bảy trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Quyết định số 3437/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2010 về việc phê duyệt điều lệ tạm thời về tổ chức hoạt động công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I. Vốn điều lệ là 170.220.703.425 đồng (Một trăm bảy mươi tỷ, hai trăm hai mươi triệu, bảy trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Quyết định số 2399/QĐ/BGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2011 về việc chuyển doanh nghiệp về làm đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo Đám An Toàn Hàng Hải Miền Nam.

Quyết định số 856/QĐ-BGTVTCTBĐATHHMN ngày 07 tháng 5 năm 2014 về việc điều chỉnh tăng mức vốn điều lệ của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I. Vốn điều lệ là 215.871.703.425 đồng (Hai trăm mười lăm tỷ, tám trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng) và được chứng nhận đăng ký kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0300443683 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 02 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 23 tháng 5 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là : 215.871.703.425 VNĐ.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2018 : 215.871.703.425 VNĐ.

Trụ sở chính của Công ty tại : Số 45 ABCD Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh:

- Dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (chi tiết: Cung cấp dịch vụ dẫn tàu ra vào cảng trong vùng hoa tiêu hàng hải hoặc tuyến dẫn tàu được giao; kinh doanh dịch vụ tàu lai).
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn và du lịch (khách sạn phải đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở)).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết: Kinh doanh bất động sản).
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (chi tiết: Chi thuê phương tiện và tài sản).
- Giáo dục nghề nghiệp (chi tiết: Huấn luyện hoa tiêu).
- Cung ứng lao động tạm thời (chi tiết: Cho thuê hoa tiêu, thuyền viên).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: Đại lý tàu biển và dịch vụ hàng hải).

#### 4. Mô hình hoạt động của doanh nghiệp: Công ty Nhà nước

#### 5. Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

#### 6. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

#### 7. Ban Giám đốc:

Bổ nhiệm

Ông Quách Đình Hùng	Giám đốc	
Ông Nguyễn Hữu Láng	Phó Giám đốc	
Ông Cao Chí Đạo	Phó Giám đốc	
Bà Lương Ngọc Hương	Phó Giám đốc	16/09/2018
Ông Lê Anh Tuấn	Kế toán Trưởng	



#### 8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

#### 9. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2018 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

TP.HCM, ngày 28 tháng 01 năm 2019

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



GIÁM ĐỐC  
Quách Đình Hùng



Số: 61... /BCKT/TC/2019/AASCS

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

- Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I, được lập ngày 28 tháng 01 năm 2019 từ trang 04 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

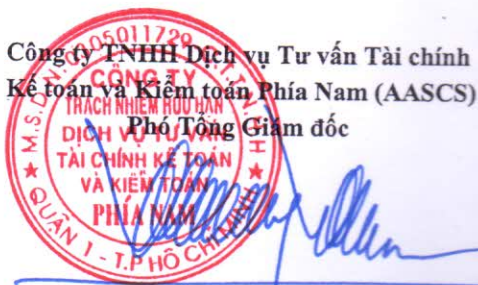
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 27... tháng 02... năm 2019

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)  
TRÁCH NHIỆM HỮU DAN  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ VĂN TUẤN

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0479-2018-142-1

Kiểm toán viên



DƯƠNG THỊ QUỲNH HOA

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0424-2018-142-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>167.531.136.124</b>	<b>169.524.774.458</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>132.147.913.649</b>	<b>138.482.750.455</b>
1. Tiền	111		53.163.615.815	61.955.387.238
2. Các khoản tương đương tiền	112		78.984.297.834	76.527.363.217
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>33.994.921.086</b>	<b>30.669.006.922</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	2	21.554.238.010	17.785.430.947
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	3	10.378.528.600	11.764.146.460
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	4	2.062.154.476	1.119.429.515
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>			<b>97.837.641</b>
1. Hàng tồn kho	141			97.837.641
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.388.301.389</b>	<b>275.179.440</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	1.388.301.389	275.179.440
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>140.171.178.415</b>	<b>135.322.849.700</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>15.000.000</b>	<b>15.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	6	15.000.000	15.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>136.725.578.689</b>	<b>132.099.407.758</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	50.761.088.689	46.118.251.090
- Nguyên giá	222		116.663.795.551	108.288.973.146
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(65.902.706.862)	(62.170.722.056)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	85.964.490.000	85.981.156.668
- Nguyên giá	228		86.320.533.992	86.320.533.992
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(356.043.992)	(339.377.324)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.430.599.726</b>	<b>3.208.441.942</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	3.430.599.726	3.208.441.942
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>307.702.314.539</b>	<b>304.847.624.158</b>

0501  
CÔNG  
CH NHIỆ  
H VỤ  
CHÍNH  
A KIỂM  
PHIÁT  
- T.P.H

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu (1)	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>56.811.360.587</b>	<b>57.075.322.846</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>56.400.087.867</b>	<b>56.664.050.126</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	1.268.448.671	724.603.041
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	11	122.433.934	1.359.806.310
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	2.998.023.278	2.585.754.256
4. Phải trả người lao động	314	13	29.416.479.469	28.800.975.174
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	3.407.639.154	3.765.675.093
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	15	19.187.063.361	19.427.236.252
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>411.272.720</b>	<b>411.272.720</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337	16	411.272.720	411.272.720
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>250.890.953.952</b>	<b>247.772.301.312</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>250.890.953.952</b>	<b>247.772.301.312</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.871.703.425	215.871.703.425
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.479.625.342	14.010.198.502
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.539.625.185	17.890.399.385
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		208.889.565	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.330.735.620	17.890.399.385
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>307.702.314.539</b>	<b>304.847.624.158</b>

TP.HCM, ngày 28 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
**Lê Anh Tuấn**

Giám đốc



**GIÁM ĐỐC**  
**Quách Đình Hùng**

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND


Chỉ tiêu (1)	Mã số (2)	Thuyết minh (3)	Năm 2018	Năm 2017
			(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1	205.234.219.658	205.428.346.227
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		205.234.219.658	205.428.346.227
4. Giá vốn hàng bán	11	2	101.131.669.286	87.785.988.653
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10-11)	20		104.102.550.372	117.642.357.574
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3	4.131.744.906	3.538.737.775
7. Chi phí tài chính	22		-	1.088.379
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	
8. Chi phí bán hàng	25		0	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4	38.860.139.016	51.701.154.869
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 20+(21-22)-(25+26))	30		69.374.156.262	69.478.852.101
11. Thu nhập khác	31	5	5.322.313.476	918.787.780
12. Chi phí khác	32	6	4.989.135.531	750.883.193
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		333.177.945	167.904.587
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30+40)	50		69.707.334.207	69.646.756.688
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7	13.941.466.841	14.079.100.342
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60= 50-51-52)	60		55.765.867.366	55.567.656.346
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

TP.HCM, ngày 28 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu



Kế toán trưởng

  
**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
Lê Anh Tuấn

Giám đốc

  
  
**GIÁM ĐỐC**  
Quách Đình Hùng

## LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết Minh	Năm 2018	Năm 2017
1	2	3	4	5
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	1		69.707.334.207	69.646.756.688
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2		6.527.295.263	5.493.920.369
- Các khoản dự phòng	3		-	(304.760.740)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4		(7.058.231)	1.088.379
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(9.447.000.151)	(4.457.525.555)
- Chi phí lãi vay	6		-	
- Các khoản điều chỉnh khác	7			
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	8		66.780.571.088	70.379.479.141
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(3.325.914.164)	20.833.411.458
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		97.837.641	(97.837.641)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(477.686.442)	(8.778.266.767)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.113.121.949)	896.171.319
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.487.569.767)	(13.483.967.490)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		5.110.349.840	322.424.145
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(52.887.387.617)	(21.869.233.190)
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		697.078.630	48.202.180.975
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.375.623.978)	(4.449.255.533)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		211.963.636	596.363.635
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.124.686.675	3.538.737.775
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		(7.038.973.667)	(314.154.123)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		0	0

## LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết Minh	Năm 2018	Năm 2017
1	2	3	4	5
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(6.341.895.037)	47.888.026.852
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		138.482.750.455	90.595.811.982
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7.058.231	(1.088.379)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70= 50 + 60 + 61)	70		132.147.913.649	138.482.750.455

TP.HCM, ngày 28 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu



Kế toán trưởng

  
**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
**Lê Anh Tuấn**

Giám đốc



**GIÁM ĐỐC**  
**Quách Đình Hùng**



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Hoa Tiêu Khu Vực I là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 5146/QĐ-TCCB-LĐ ngày 30 tháng 12 năm 1997 của Bộ Giao Thông Vận Tải và được chứng nhận đăng ký kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 103460 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 1998.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu số 4106000228 ngày 11 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và văn bản số 674/CHHVN-TCCB ngày 13/04/2009 về việc triển khai thực hiện bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty.

Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I (tên viết tắt là Công ty Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I) theo Quyết định số 1775/QĐ-BGTVT ngày 25/06/2010 của Bộ Giao Thông Vận Tải với vốn điều lệ mới là 170.220.703.425 đồng (Một trăm bảy mươi tỷ, hai trăm hai mươi triệu, bảy trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Quyết định số 3437/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2010 về việc phê duyệt điều lệ tạm thời về tổ chức hoạt động công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I. Vốn điều lệ là 170.220.703.425 đồng (Một trăm bảy mươi tỷ, hai trăm hai mươi triệu, bảy trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Quyết định số 2399/QĐ/BGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2011 về việc chuyển doanh nghiệp về làm đơn vị thành viên Tổng Công Ty Bảo Đảm An Toàn Hàng Hải Miền Nam.

Quyết định số 856/QĐ-BGTVT TCTB ĐATHH MN ngày 07 tháng 5 năm 2014 về việc điều chỉnh tăng mức vốn điều lệ của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I. Vốn điều lệ là 215.871.703.425 đồng (Hai trăm mười lăm tỷ, tám trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng) và được chứng nhận đăng ký kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0300443683 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 02 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 12 tháng 3 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là : 215.871.703.425 VNĐ.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2018 : 215.871.703.425 VNĐ.

Trụ sở chính của Công ty tại : Số 45 ABCD Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (chi tiết: Cung cấp dịch vụ dẫn tàu ra vào cảng trong vùng hoa tiêu hàng hải hoặc tuyến dẫn tàu được giao; kinh doanh dịch vụ tàu lai).

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn và du lịch (khách sạn phải đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở)).

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết: Kinh doanh bất động sản).

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (chi tiết: Chi thuê phương tiện và tài sản).

- Giáo dục nghề nghiệp (chi tiết: Huấn luyện hoa tiêu).

- Cung ứng lao động tạm thời (chi tiết: Cho thuê hoa tiêu, thuyền viên).

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: Đại lý tàu biển và dịch vụ hàng hải).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính: không ảnh hưởng.

6. Tổng số lao động : 210 người

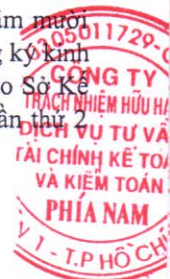
Trong đó: - Lao động gián tiếp: 87 người, lao động trực tiếp: 123 người.

### II. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

#### 1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

### III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính; Thông tư 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung điều 128 Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

##### *Nguyên tắc xác định các khoản tiền*

Các khoản được xác định là tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn (dưới 03 tháng), tiền đang chuyển... Hiện có của doanh nghiệp tại ngày lập Báo cáo tài chính.

##### *Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền*

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo tài chính.

##### *Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác*

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở nhiều tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

#### 2. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

**2.1. Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

**2.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**2.3 Cuối kỳ kế toán các khoản phải thu có gốc ngoại tệ** được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

### 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính, ngày 25/04/2013 và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	từ 5 đến 50 năm
- Máy móc, thiết bị	từ 3 đến 20 năm
- Phương tiện vận tải	từ 6 đến 10 năm
- Thiết bị văn phòng	từ 3 đến 10 năm
- Tài sản vô hình và các tài sản khác	tùy thời gian được sử dụng

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước có giá trị lớn cần được phân bổ dần trong nhiều quý nhưng không quá 01 năm tài chính hoặc không quá một chu kỳ sản xuất thông thường được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn, còn các khoản chi phí trả trước trên 12 tháng hoặc trên một chu kỳ sản xuất thông thường được trình bày là chi phí trả trước dài hạn. Việc phân bổ phải chọn phương thức hợp lý và nhất quán.

### 5. Ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### 7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại :

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tiền</b>	<b>53.163.615.815</b>	<b>61.955.387.238</b>
<b>Tiền mặt (TK 111)</b>	<b>38.203.847</b>	<b>241.499.621</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng (TK 112)</b>	<b>53.125.411.968</b>	<b>61.713.887.617</b>
<b>Tiền gửi VND</b>	<b>52.794.727.317</b>	<b>61.389.957.666</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN- CN TP.HCM	35.172.871.680	49.974.804.783
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn- CN Hóc Môn	42.088.584	42.063.990
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam- CN Tân Bình	0	48.315.984
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đô Thành	12.571.872.414	11.324.772.909
- Kho bạc Nhà nước TP.HCM	5.007.894.639 (*)	
<b>Tiền gửi ngoại tệ</b>	<b>330.684.651</b>	<b>323.929.951</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN- CN TP.HCM	53.503.795	52.670.740
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đô Thành	277.180.856	271.259.211
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>78.984.297.834</b>	<b>76.527.363.217</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng:		
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn- CN Hóc Môn	53.984.297.834	51.527.363.217
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN- CN TP.HCM	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đô Thành	15.000.000.000	15.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>132.147.913.649</b>	<b>138.482.750.455</b>
<b>Ghi chú:</b> (*) Các khoản tiền gửi chưa có thư xác nhận tại ngày 31/12/2018.		
<b>2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (TK 131)</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng:		
+ AGE-LINES CO.,LTD	1.973.908.794	1.281.835.650
+ FALCON LOGISTICS JSC	1.043.579.813	1.367.209.520
+ Công ty CP Dịch vụ Vận Tải Biển Hải Vân	1.600.374.171	794.755.223
+ Công ty CP Gemadept	1.404.465.153	296.841.845
+ VITAMAS	896.674.404	1.412.931.880
- Các khoản phải thu khách hàng khác:	14.635.235.675	12.631.856.829
<b>Cộng</b>	<b>21.554.238.010</b>	<b>17.785.430.947</b>





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

#### 3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (TK 331)

Số cuối năm

Số đầu năm

##### Trả trước cho người bán ngắn hạn

- Chi tiết các khoản trả trước cho người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng trả trước cho người bán:

+ Công ty Số 1 Sông Hồng - xây dựng trạm HT Long An (630/2017/HĐ-SH.HTKV1)	3.987.000.000 (*)	3.987.000.000
+ Công ty TNHH Tân Viễn Đông: Đóng tàu hoa tiêu (276/2017/HĐ-DLHT)	4.782.156.000	5.953.200.000
+ Công ty TNHH Xây Dựng Phú Hưng	210.400.000 (*)	210.400.000
+ Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng và Thương mại Quân Bảo	246.000.000	246.000.000
+ Công ty TNHH Khảo sát Thiết kế Tư vấn Sài Gòn	340.200.000	340.200.000
+ Công ty CP Tư vấn xây dựng Tổng hợp	121.134.000	121.134.000
+ Công ty TNHH Công nghệ và giải pháp Omega	298.200.000	298.200.000
- Các khoản trả trước cho người bán khác:	393.438.600	608.012.460
<b>Cộng</b>	<b>10.378.528.600</b>	<b>11.764.146.460</b>

**Ghi chú:** (\*) Các khoản công nợ trên chưa có thư xác nhận tại ngày 31/12/2018.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

(4); (6).	PHẢI THU KHÁC	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
4.	<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>2.062.154.476</b>		<b>1.119.429.515</b>	
	- Các khoản phải thu khác (TK 1388)	<u>1.231.661.798</u>		<u>720.429.515</u>	
	Trong đó:				
	+ Hoàng Trung Thông		42.000.000		
	+ Trịnh Minh Tú		46.000.000		
	+ Nguyễn Lưu Phi		50.000.000		
	+ Lưu Văn Hiền	34.000.000			
	+ Lê Thị Thủy	42.000.000			
	+ Lê Văn Dũng	46.000.000			
	+ Lãi TGNH CKH đến ngày 31/12/2018- Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đô Thành	44.383.562	45.000.000		
	+ Lãi TGNH CKH đến ngày 31/12/2018- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN- CN TP.HCM	52.054.795	15.527.778		
	+ Lãi TGNH CKH đến ngày 31/12/2018- Ngân hàng TMCP Sài Gòn- CN Nhà Rồng	930.223.441	442.901.737		
	- Tam ứng (TK 141)	<u>713.250.000</u>		<u>399.000.000</u>	
	Trong đó:				
	+ Quách Đình Hùng		39.000.000		
	+ Nguyễn Xuân Việt	368.925.000	176.000.000		
	+ Mạc Trần Hoàn		138.000.000		
	+ Vũ Minh Trang	80.000.000			
	+ Nguyễn Kim Liên	140.000.000			
	- Phải thu khác (TK 3388)	<u>117.242.678</u>			
	+ Hiệp hội Hoa tiêu Hàng Hải Việt Nam	117.242.678			
6.	<b>Phải thu ngắn dài khác</b>	<b>15.000.000</b>		<b>15.000.000</b>	
	- Ký quỹ, ký cược dài hạn (TK 244)				
	+ Ký quỹ sử dụng thẻ taxi - Cty Taxi Mai Linh	10.000.000	10.000.000		
	+ Ký quỹ sử dụng thẻ taxi - Cty Taxi Vinasun	5.000.000	5.000.000		
	<b>Cộng (4) + (6)</b>	<u><b>2.077.154.476</b></u>		<u><b>1.134.429.515</b></u>	
5.	<b>CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TK 242)</b>	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>				
	- Bảo hiểm tàu thủy nội địa từ 04/11/2017->04/11/2018 (HD số :C08/BHPS/18/03/17)			180.650.272	
	- Bảo hiểm xe cơ giới Cty từ 21/11/2017->21/11/2018 (HD: C7187/AUTO/18/03/ 17)			58.808.830	
	- Chi phí thẻ cào điện thoại tháng 01/2018			35.720.338	



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí thẻ cào điện thoại tháng 01/2019	40.090.869	
- Bảo hiểm xe cơ giới số : C5779/AUTO/18/03/18 từ 17/10/2018->17/10/2019; 28/11/18->28/11/19	23.181.214	
- Bảo hiểm tàu thủy nội địa số: C12/BHPS/18/03/18, từ 04/11/2018->04/11/2019	196.912.749	
- Bảo hiểm xe cơ giới số: C7150/AUTO/18/03/18, THOI HAN TU K21/11/2018-> 17/10/2019	47.039.925	
- Bảo hiểm tàu thủy nội địa (tàu Hưng Long) số: P L01/C12/BHPS/18/03/18, từ 14/11/2018->04/11/2019	134.159.175	
- Chi phí sửa chữa định kỳ ca nô Kim Long theo HD và TLHD số: 48/2018/HDKT ngày 08/6/2018	631.645.987	
- Chi phí đợt cuối HDKT số: SC1062A1802 ngày 09/4/2018 về sửa chữa thang máy tại Trạm HTVT	219.724.500	
- Chi phí HD số: SC1154A1830 ngày 29/11/18 về sửa chữa thay mới vật tư thang máy tại Tòa nhà Pilotco1	9.533.333	
- Chi phí đợt 5 (50%) và TLHD số: 0961/18/DLV-CON ngày 08 /10/18 về việc cung cấp 2 phần mềm thủy triều điện tử	24.000.000	
- Chi phí in 100 sổ thủy triều (từ 01/2019-06/2019) cho Phòng Hoa tiêu	26.473.637	
- Chi quà Sinh nhật cho CBCNV Tháng 1/2019	12.000.000	
- Chi phí HD và TLHD số: 216/NTSSI-PILOTCO1/2018 về mua bản quyền Gia hạn phần mềm Anti-Virus Kaspersky cho Cty	23.540.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>1.388.301.389</u></b>	<b><u>275.179.440</u></b>

### 9. TÀI SẢN DỮ DANG DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Mua sắm tài sản cố định (TK 2411)</b>		
<b>Xây dựng cơ bản dở dang (TK 2412)</b>	<b>3.090.192.419</b>	<b>2.981.169.215</b>
+ Trạm Hoa tiêu Long An	3.090.192.419	2.496.351.033
+ Tàu Hoa tiêu cao tốc		484.818.182
<b>Sửa chữa lớn TSCĐ (TK 2413)</b>	<b>340.407.307</b>	<b>227.272.727</b>
+ Sửa chữa, lắp đặt thiết bị Tòa nhà Pilotco 1		227.272.727
+ Hoán cải 2 máy chính và máy phát điện tàu Ngân Long	340.407.307	
<b>Cộng</b>	<b><u>3.430.599.726</u></b>	<b><u>3.208.441.942</u></b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

### 7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TK 211)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số dư đầu năm	58.935.101.497	6.820.950.282	38.353.063.778	4.179.857.589	108.288.973.146
2. Số tăng trong năm		1.190.362.000	10.182.176.496	4.770.058.214	16.142.596.710
- Mua trong năm		1.190.362.000	771.204.545	50.000.000	2.011.566.545
- Đầu tư XDCB hoàn thành			9.410.971.951	4.720.058.214	14.131.030.165
- Tăng khác					
3. Số giảm trong năm	7.073.013.805		694.760.500		7.767.774.305
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán			694.760.500		694.760.500
- Giải tỏa	7.073.013.805				7.073.013.805
4. Số dư cuối năm	51.862.087.692	8.011.312.282	47.840.479.774	8.949.915.803	116.663.795.551
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1. Số dư đầu năm	26.349.550.675	4.818.465.019	28.007.966.448	2.994.739.914	62.170.722.056
2. Khấu hao trong năm	2.339.803.074	747.963.436	2.616.713.782	806.148.303	6.510.628.595
- Khấu hao trong năm	2.339.803.074	747.963.436	2.616.713.782	806.148.303	6.510.628.595
- Tăng khác					
3. Giảm trong năm	2.083.883.289		694.760.500		2.778.643.789
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán			694.760.500		694.760.500
- Giải tỏa	2.083.883.289				2.083.883.289
4. Số dư cuối năm	26.605.470.460	5.566.428.455	29.929.919.730	3.800.888.217	65.902.706.862
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	32.585.550.822	2.002.485.263	10.345.097.330	1.185.117.675	46.118.251.090
2. Tại ngày cuối năm	25.256.617.232	2.444.883.827	17.910.560.044	5.149.027.586	50.761.088.689

#### Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VNĐ
  - Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 24.485.254.417 VNĐ
  - Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:
- + Bàn giao, di dời trụ sở văn phòng công ty: số 8 Trương Đình Hội, Quận 4, TP.HCM

Theo Phương án số 383/PA-HĐBT, ngày 29/11/2017 v/v bồi thường, hỗ trợ, khi Nhà nước thu hồi 1 phần nhà - đất tại số 08, đường Trương Đình Hội, P.18, Q.4 do Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Khu vực I đang sử dụng để thực hiện Dự án Khu phức hợp Nhà Rông - Khánh Hội của Ủy Ban nhân dân Quận 4, P.12,13,18, Q.4 - Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án khu phức hợp Nhà Rông - Khánh Hội, P.12,13,18, Q.4 và Thỏa thuận ngày 12/10/2017 v/v bàn giao mặt bằng và hỗ trợ di dời giữa Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Khu vực I và Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông; Quyết định số 3982/QĐ-UBND-TH, ngày 18/12/2017 v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại số 08, tờ bản đồ số 1, P.18, Q.4 do Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Khu vực I sử dụng để thực hiện Dự án Khu phức hợp Nhà Rông - Khánh Hội, Q.4.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

### 8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH (TK 213)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
1. Số dư đầu năm	85.956.240.000	364.293.992	86.320.533.992
2. Số tăng trong năm			
- Mua trong năm			
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp			
- Tăng khác			
3. Số giảm trong năm			
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác			
4. Số dư cuối năm	85.956.240.000	364.293.992	86.320.533.992
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
1. Số dư đầu năm		339.377.324	339.377.324
2. Khấu hao trong năm		16.666.668	16.666.668
- Khấu hao trong năm		16.666.668	16.666.668
- Tăng khác			
3. Giảm trong năm			
- Thanh lý nhượng bán			
- Giảm khác			
4. Số dư cuối năm		356.043.992	356.043.992
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
1. Tại ngày đầu năm	85.956.240.000	24.916.668	85.981.156.668
2. Tại ngày cuối năm	85.956.240.000	8.250.000	85.964.490.000

#### Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay: 0 VNĐ
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 314.293.992 VNĐ
- Thuyết minh số liệu và giải thích khác: không có.



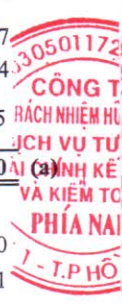
## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

10. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN (TK 331)	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn:</b>				
Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả cho người bán ngắn hạn:				
+ CN Cty CP Dầu khí Thái Bình Dương - XN Xăng dầu Vũng Tàu	355.542.000	355.542.000	291.072.000	291.072.000
+ Cty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	257.515.100	257.515.100	240.777.600	240.777.600
+ Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VIII	300.000.000	300.000.000		
- Phải trả các đối tượng khác	355.391.571	355.391.571	192.753.441	192.753.441
<b>Cộng</b>	<b>1.268.448.671</b>	<b>1.268.448.671</b>	<b>724.603.041</b>	<b>724.603.041</b>
<b>11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (TK 131)</b>	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số người mua trả tiền trước:				
+ Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng Hải Miền Nam				1.251.633.464
+ Đặt cọc thuê phòng		25.237.720		18.767.207
+ Công ty CP Việt Long - CN TP.HCM		74.440.994		74.440.994
- Các khoản người mua trả tiền trước khác (người mua trả tiền dư)		22.755.220		14.964.645
<b>Cộng</b>		<b>122.433.934</b>		<b>1.359.806.310</b>
<b>Người mua trả tiền trước (TK 131)</b>				
a) Số dư ngày 01/01/2018- Người mua trả tiền trước (TK 131) sau điều chỉnh (= a.1 + a.2):				1.359.806.310
a.1) Số dư ngày 31/12/2017 - Người mua trả tiền trước theo Báo cáo kiểm toán tài chính năm 2017 (TK 131):				893.286.681
Tăng khoản người mua trả tiền trước do điều chỉnh theo công văn số: 1655/TCTBĐATHHMN-TCKT ngày 11/6/2018 - Hóa đơn 3755 (29/6/2018) Điều chỉnh giảm DVCI 2016 của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam.				466.519.629
a.2) 11/6/2018 - Hóa đơn 3755 (29/6/2018) Điều chỉnh giảm DVCI 2016 của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam.				
<b>12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC</b>				
<b>Phải nộp</b>	<b>Đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Đã nộp trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
	<b>(1)</b>	<b>(2)</b>	<b>(3)</b>	<b>(4)=(1)+(2)-(3)</b>
- (a) Thuế giá trị gia tăng đầu ra HH, DV (TK 3331)	221.168.210			
(b) Giảm do điều chỉnh theo Giảm do điều chỉnh theo công văn số: 1655/TCTBĐATHHMN-TCKT ngày 11/6/2018 - Hóa đơn 3755 (29/6/2018) Điều chỉnh giảm DVCI 2016	(42.410.875)			
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra HH, DV (TK 3331) (= a + b)	178.757.335	2.172.046.362	2.170.577.439	180.226.258
Thuế GTGT đầu ra phát sinh trong năm		7.113.493.057		
Thuế GTGT đầu vào khấu trừ thuế GTGT đầu ra		(4.843.098.028)		
Điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu ra do hủy hóa đơn		(98.348.667)		
Đã nộp			2.170.577.439	
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ của hàng hóa (TK1331)		4.843.098.028	4.843.098.028	
Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong năm			4.843.098.028	
Thuế GTGT đầu vào khấu trừ thuế GTGT đầu ra		4.843.098.028		



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

Phải nộp	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)+(2)-(3)
- (a) Thuế thu nhập doanh nghiệp (TK 3334)	2.051.203.854			
(b) Giảm do điều chỉnh theo công văn số: 1655/TCTĐATHHMN-TCKT ngày 11/6/2018 - Hóa đơn 3755 (29/6/2018) Điều chỉnh giảm DVCI 2016		(84.821.751)		
(c) Giảm do điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2017 của Công ty TNHH Hàng Hải Hoa Tiêu Khu vực I ngày 09 tháng 10 năm 2018 - năm tài chính 2017		74.603.417		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (TK 3334) (= a + b + c)	2.040.985.520	13.941.466.841	13.487.569.767	2.494.882.594
Thuế TNDN phát sinh trong năm		13.941.466.841		
Đã nộp			13.487.569.767	
- Thuế thu nhập cá nhân (TK 3335)	366.011.401	11.078.180.379	11.121.277.354	322.914.426
Thuế TNCN phát sinh trong năm		13.147.755.933		
Công ty trả tiền thuế TNCN cho công nhân viên do nộp thừa		(2.069.575.554)		
Đã nộp			11.121.277.354	
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất (TK 3337)		24.107.944	24.107.944	
- Thuế môn bài (TK 3338)		4.000.000	4.000.000	
<b>Cộng Các khoản thuế phải trả</b>	<b>2.585.754.256</b>	<b>32.062.899.554</b>	<b>31.650.630.532</b>	<b>2.998.023.278</b>
<b>13. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG</b>	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
- Phải trả công nhân viên (TK 334)	29.416.479.469		28.800.975.174	
<b>Cộng</b>	<b>29.416.479.469</b>		<b>28.800.975.174</b>	



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2018

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

(14); (16).	PHẢI TRẢ KHÁC:	Số cuối năm	Số đầu năm
14.	<b>Phải trả ngắn hạn khác:</b>	<b>3.407.639.154</b>	<b>3.765.675.093</b>
	- Tài sản thừa chờ giải quyết (TK 3381)	148.596.954	141.520.910
	- Kinh phí công đoàn (TK 3382)		
	- Các khoản phải trả, phải nộp khác (TK 3388)	3.259.042.200	3.624.154.183
	Trong đó:		
	+ Nhà Vốn Đồn	693.146.000	
	+ Tiền tài trợ hiệp hội HTHH VN của các đơn vị	4.999.485	
	+ Cty TNHH ĐT PT Đô Thị Ngọc Viễn Đông - Hỗ trợ di dời trụ sở Công ty Hoa tiêu HH KVI	3.208.658.629	2.800.000.000
	+ Cty CP Thiết bị Điện Lê Nguyên - Bảo lãnh dự thầu & trang trí nội thất văn phòng tòa nhà Pilotco 1		70.000.000
	+ Phải trả KPCĐ và CĐ phí cho công đoàn Tổng công ty Quý 4/2018	50.383.571	56.008.698
16.	<b>Phải trả dài hạn khác:</b>	<b>411.272.720</b>	<b>411.272.720</b>
	- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (TK 344)		
	+ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (Ký quỹ thuê văn phòng)	211.800.000	211.800.000
	+ Công ty Erai (Ký quỹ thuê văn phòng)	199.472.720	199.472.720
	<b>Cộng (14)+(16):</b>	<b><u>3.818.911.874</u></b>	<b><u>4.176.947.813</u></b>
15.	<b>QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	Quỹ khen thưởng (TK 3531)	8.791.584.458	8.679.019.208
	Quỹ phúc lợi (TK 3532)	9.886.630.857	10.289.156.998
	Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty (TK 3534)	508.848.046	459.060.046
	<b>Cộng:</b>	<b><u>19.187.063.361</u></b>	<b><u>19.427.236.252</u></b>





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2018

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

A	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng
	Vốn góp của CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư XDCB	
	1	2	3	4	5 = 1+2+3+4
<b>a. Số dư đầu năm trước</b>	<b>215.871.703.425</b>		<b>3.024.642.822</b>	<b>107.940.600</b>	<b>219.004.286.847</b>
- Giảm quỹ đầu tư phát triển do điều chỉnh theo công văn số: 1655/TCTBĐATHHMN-TCKT ngày 11/6/2018 - Hóa đơn 3755 (29/6/2018) Điều chỉnh giảm DVCI 2016			(339.287.003)		
<b>b. Số dư đầu năm trước sau điều chỉnh</b>	<b>215.871.703.425</b>		<b>2.685.355.819</b>	<b>107.940.600</b>	<b>218.664.999.844</b>
<b>- Tăng trong năm</b>		<b>55.269.242.682</b>	<b>16.580.772.805</b>		<b>71.850.015.487</b>
Trong đó:					
- Tăng vốn trong năm trước					
- Lãi trong năm trước		55.269.242.682			55.269.242.682
- Trích quỹ đầu tư phát triển			16.580.772.805		16.580.772.805
- Tăng khác					
<b>- Giảm trong năm</b>		<b>(37.587.732.862)</b>	<b>(5.345.454.221)</b>	<b>(107.940.600)</b>	<b>(43.041.127.683)</b>
Trong đó:					
- Tăng vốn trong năm trước					
- Trích quỹ đầu tư phát triển		(16.580.772.805)			(16.580.772.805)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		(20.620.860.057)			(20.620.860.057)
- Trích quỹ Ban quản lý điều hành công ty		(386.100.000)			(386.100.000)
- Chuyển về Tổng công ty theo QĐ số 28/QĐ-HĐTV ngày 26/07/2016 của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam v/v phê duyệt BCTC, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2015 của Cty TNHH MTV Hoa tiêu HH KVI			(358.343.016)		(358.343.016)
- Chuyển về Tổng công ty theo QĐ số 1378/QĐ-HĐTV ngày 07/6/2017 của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam v/v phê duyệt BCTC, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2016 của Cty TNHH MTV Hoa tiêu HH KVI			(4.987.111.205)	(107.940.600)	(5.095.051.805)
<b>c. Số dư đầu năm nay</b>	<b>215.871.703.425</b>	<b>17.681.509.820</b>	<b>13.920.674.403</b>		<b>247.473.887.648</b>
- Tăng lợi nhuận trong năm 2017 do điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2017 của Công ty TNHH Hàng Hải Hoa Tiêu Khu vực I ngày 09 tháng 10 năm 2018		208.889.565			208.889.565
- Tăng quỹ đầu tư phát triển do điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2017 của Công ty TNHH Hàng Hải Hoa Tiêu Khu vực I ngày 09 tháng 10 năm 2018			89.524.099		89.524.099
<b>d. Số dư đầu năm nay sau điều chỉnh</b>	<b>215.871.703.425</b>	<b>17.890.399.385</b>	<b>14.010.198.502</b>		<b>247.772.301.312</b>
<b>- Tăng trong năm</b>		<b>55.765.867.366</b>	<b>16.729.388.246</b>		<b>72.495.255.612</b>
Trong đó:					
- Tăng vốn trong năm nay					
- Lãi trong năm nay		55.765.867.366			55.765.867.366
- Trích quỹ đầu tư phát triển			16.729.388.246		16.729.388.246

0117  
CÔNG  
NHIỆM  
VỤ T  
CHÍNH K  
VÀ KIỂM T  
PHIÁN  
T.P.H

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

### 17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
A	1	2	3	4	5 = 1+2+3+4
- Giảm trong năm		(55.116.641.566)	(14.259.961.406)		(69.376.602.972)
Trong đó:					
- Trích quỹ đầu tư phát triển		(16.729.388.246)			(16.729.388.246)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		(20.302.255.500)			(20.302.255.500)
- Trích quỹ Ban quản lý điều hành công ty		(403.488.000)			(403.488.000)
- Chuyển lãi sau phân phối năm 2017 về Tổng công ty		(17.681.509.820)			(17.681.509.820)
- Nộp chênh lệch giữa Vốn CSH và Vốn Điều lệ tại thời điểm 31/12/2017 về TCT theo QĐ số 1724/QĐ-TCTBDATHHMN (15/06/2018)			(14.259.961.406)		(14.259.961.406)
<b>e. Số dư cuối năm nay</b>	<b>215.871.703.425</b>	<b>18.539.625.185</b>	<b>16.479.625.342</b>		<b>250.890.953.952</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu		Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của Nhà nước		215.871.703.425	215.871.703.425
<b>Cộng</b>		<b>215.871.703.425</b>	<b>215.871.703.425</b>
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		215.871.703.425	215.871.703.425
+ Vốn góp đầu năm		215.871.703.425	215.871.703.425
+ Vốn góp tăng trong kỳ			
+ Vốn góp giảm trong kỳ			
+ Vốn góp cuối kỳ		215.871.703.425	215.871.703.425
d) Các quỹ của doanh nghiệp		Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển		16.479.625.342	14.010.198.502 (a)
a)	Số dư ngày 01/01/2018 sau điều chỉnh (= a.1 + a.2 + a.3):		14.010.198.502
a.1)	Số dư ngày 31/12/2017 theo Báo cáo kiểm toán tài chính năm 2017:		14.259.961.406
Giảm do điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2017 của Công ty TNHH Hàng Hải Hoa Tiêu Khu vực I ngày 09 tháng 10 năm 2018 - năm tài chính 2016			
a.2)			(339.287.003)
Tăng quỹ đầu tư phát triển do điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2017 của Công ty TNHH Hàng Hải Hoa Tiêu Khu vực I ngày 09 tháng 10 năm 2018 - năm tài chính 2017			
a.3)			89.524.099
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
+ Nguồn vốn đầu tư XDCB			
18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CĐKT		Số cuối năm	Số đầu năm
a	Tài sản thuê ngoài		
b	Tài sản nhận giữ hộ		
c	Ngoại tệ các loại		
- Ngoại tệ USD		\$14.273,60	\$14.286,80
d	Vàng tiền tệ		
đ	Nợ khó đòi đã xử lý		
+ Cty Vận Tải Lash Vinashin		15.862.830	15.862.830
+ Cty TNHH Vận Tải Tàu cao tốc Bắc Nam		101.530.335	101.530.335
+ Cty TNHH Phúc Hải		13.163.770	13.163.770
+ Cty TNHH TM VTB Nhật và Nam		11.684.475	11.684.475
+ Falcon Logistics JSC		91.134.292	91.134.292
+ Cty CP Xăng Dầu Toàn Cầu		24.740.755	24.740.755
+ Cty TNHH Đầu tư & TM An Phú Lộc		21.570.575	21.570.575
+ Cty TNHH VTB Nam Duy Trung		8.363.738	8.363.738
+ Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam -CN TP.HCM		32.572.800	32.572.800
e	Các thông tin khác về các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán		



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

### VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Năm 2018	Năm 2017
<b>1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (TK 511)</b>		
- Doanh thu DVCI hoa tiêu	197.445.128.633	196.011.489.695
- Doanh thu kinh doanh dịch vụ	7.789.091.025	9.416.856.532
+ Doanh thu cho thuê hoa tiêu	331.727.279	461.818.182
+ Doanh thu cho thuê khách sạn	1.933.926.496	1.745.342.977
+ Doanh thu cho thuê phương tiện	3.730.418.508	5.089.601.253
+ Doanh thu cho thuê văn phòng	1.753.624.803	2.078.882.000
+ Doanh thu khác (TK 5118)	39.393.939	41.212.120
<b>Cộng</b>	<b>205.234.219.658</b>	<b>205.428.346.227</b>
<b>2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN (TK 632)</b>		
- Giá vốn hàng bán DVCI hoa tiêu	99.749.877.799	86.057.246.877
- Giá vốn hàng bán kinh doanh dịch vụ	1.381.791.487	1.728.741.776
<b>Cộng</b>	<b>101.131.669.286</b>	<b>87.785.988.653</b>
<b>3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (TK 515)</b>		
- Lãi ngân hàng	4.124.686.675	3.538.737.775
- Lãi chênh lệch tỷ giá	7.058.231	
<b>Cộng</b>	<b>4.131.744.906</b>	<b>3.538.737.775</b>
<b>4. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (TK 642)</b>		
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>38.860.139.016</b>	<b>51.701.154.869</b>
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí QLDN		
+ Chi phí lương và các khoản trích theo lương	20.509.584.918	31.454.807.526
+ Chi phí DV mua ngoài: sửa chữa, đồng phục, điện nước,..	11.397.601.865	9.282.666.797
+ Chi phí bằng tiền khác: HN, tiếp khách; AGC	3.285.938.904	7.119.704.967
- Các khoản chi phí QLDN khác	3.667.013.329	3.843.975.579
<b>5. THU NHẬP KHÁC (TK 711)</b>		
+ BH PVI bồi thường tổn thất hư hỏng hộp số, Trục chân vịt ca nô Thanh Long 1	95.390.909	
+ Các đại lý thanh toán dư		54.347.778
+ Kinh phí công đoàn các năm trước		49.136.640
+ Thu bán hồ sơ thầu	3.000.000	37.000.000
+ Thanh lý TSCĐ	211.963.636	596.363.635
+ Thanh lý đồ dùng văn phòng cũ số 08 Trương Đình Hợi, Quận 4, TP.HCM	4.040.000	
+ Thanh lý máy photo		1.000.000
+ Thuế GTGT được quyết toán 2015 (gói: Hệ thống điều hòa)		177.909.091
+ Chênh lệch chi phí thẩm định phê duyệt quyết toán 2015 dự án Tòa nhà Pilotco 1		2.979.860
+ Tiền đền bù, giải tỏa tài sản trên đất văn phòng số 08 Trương Đình Hợi, Quận 4, TP.HCM	5.007.894.639	
+ Khác	24.292	50.776
<b>Cộng</b>	<b>5.322.313.476</b>	<b>918.787.780</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

### VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Năm 2018	Năm 2017
<b>6. CHI PHÍ KHÁC (TK 811)</b>		
- Thuế TNCN phải nộp các năm trước		69.015.614
- Thuế GTGT bổ sung năm 2014		80.840.910
- Thuế GTGT bổ sung năm 2015		173.088.632
- Thuế TNDN bổ sung tháng 12/2015		80.873.510
- Chi phí khác	5.015	2.138.171
- Các khoản chi phí chênh lệch quyết toán Tòa nhà Pilotco 1 không được duyệt		344.926.356
- Chi phí Giá trị còn lại của tài sản "Nhà để máy phát điện - Sài Gòn" trên đất văn phòng số 08 Trương Đình Hội, Quận 4, TP.HCM	19.199.807	
- Chi phí Giá trị còn lại của tài sản "Văn phòng Cty Hoa tiêu hàng hải KVI" trên đất văn phòng số 08 Trương Đình Hội, Quận 4, TP.HCM	4.969.930.709	
<b>Cộng</b>	<b>4.989.135.531</b>	<b>750.883.193</b>
<b>7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
a) Lợi nhuận kế toán trước thuế từ hoạt động kinh doanh của toàn công ty	69.707.334.207	
b) Chi phí thuế TNDN hiện hành (= a x 20%)	13.941.466.841	
<b>Cộng</b>	<b>13.941.466.841</b>	<b>14.079.100.342</b>
<b>8. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.298.508.088	11.339.883.215
- Chi phí nhân công	89.399.164.501	90.282.599.406
- Chi phí khấu hao TSCĐ	6.527.295.263	5.493.920.369
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.461.568.901	20.435.897.286
- Chi phí khác bằng tiền	9.305.271.549	11.934.843.246
<b>Cộng</b>	<b>139.991.808.302</b>	<b>139.487.143.522</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

### VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai
  - Mua tài sản và nhận nợ thông qua nghiệp vụ mua hàng trả sau, hoặc cho thuê tài chính : không phát sinh
  - Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu: không phát sinh.
  - Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu : không phát sinh.
  - Các giao dịch phi tiền tệ khác : không phát sinh.
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: không có.
- Số tiền đi vay thực nhận trong kỳ (không bao gồm chênh lệch tỷ giá) : 0 VNĐ
- Số tiền đã trả nợ gốc vay và tiền trả nợ gốc thuê tài chính trong kỳ : 0 VNĐ

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Thông tin về những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác : không có.
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không có.
- Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Bảo Đám An Toàn Hàng Hải Miền Nam	Công ty mẹ

#### 4. Thông tin so sánh:

- Kiểm toán độc lập AASCS đã điều chỉnh số đầu năm (01/01/2018) trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 căn cứ theo Biên bản kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2017 của Công ty TNHH Hàng Hải Hoa Tiêu Khu vực I ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Kiểm toán nhà nước và theo công văn số: 1655/TCTBĐATHHMN-TCKT ngày 11/6/2018 - Hóa đơn 3755 (29/6/2018) Điều chỉnh giảm DVCI 2016 của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam:

#### Ảnh hưởng trên Bảng cân đối kế toán:

STT	Số tài khoản	Nội dung tài khoản	Mã số	Số đầu năm trước điều chỉnh	Điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán Nhà nước ngày 09 tháng 10 năm 2018 và theo công văn số: 1655/TCTBĐATHHMN-TCKT ngày 11/6/2018 của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam	Số đầu năm sau điều chỉnh
A	B	C	D	(1)	(2)	(3) = (1)+(2)
		<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>				
1	152	Nguyên nhiên liệu	141	-	97.837.641	97.837.641
		Điều chỉnh tăng nguyên nhiên liệu theo Biên bản kiểm toán Nhà nước ngày 09 tháng 10 năm 2018: 97.837.641 VND				
2	2421	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-	275.179.440	275.179.440
		Điều chỉnh tăng chi phí trả trước ngắn hạn theo Biên bản kiểm toán Nhà nước ngày 09 tháng 10 năm 2018: 275.179.440 VND				
		<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>				
3	131	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	(893.286.681)	(466.519.629)	(1.359.806.310)
		(Điều chỉnh tăng khoản người mua trả tiền trước theo công văn số: 1655/TCTBĐATHHMN-TCKT ngày 11/6/2018 - Hóa đơn 3755 (29/6/2018) Điều chỉnh giảm DVCI 2016 của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam: (466.519.629) VND)				
		<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>313</b>	<b>(2.638.383.465)</b>	<b>52.629.209</b>	<b>(2.585.754.256)</b>
4	33311	Thuế GTGT đầu ra phải nộp Nhà nước		(221.168.210)	42.410.875	(178.757.335)
		Điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu ra theo công văn số: 1655/TCTBĐATHHMN-TCKT ngày 11/6/2018 của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam: 42.410.875 VND				

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

STT	Số tài khoản	Nội dung tài khoản	Mã số	Số đầu năm trước điều chỉnh	Điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán Nhà nước ngày 09 tháng 10 năm 2018 và theo công văn số: 1655/TCTBĐATHHMN-TCKT ngày 11/6/2018 của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam	Số đầu năm sau điều chỉnh
A	B	C	D	(1)	(2)	(3) = (1)+(2)
5	3334	Thuế TNDN phải nộp Nhà nước		(2.051.203.854)	10.218.334	(2.040.985.520)
		Điều chỉnh giảm thuế TNDN theo công văn số: 1655/TCTBĐATHHMN-TCKT ngày 11/6/2018 của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam: 84.821.751 VND				
		Điều chỉnh tăng thuế TNDN theo Biên bản kiểm toán Nhà nước ngày 09 tháng 10 năm 2018: (74.603.417) VND				
6	3335	Thuế thu nhập cá nhân		(366.011.401)		(366.011.401)
		<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>				
7	414	Quỹ đầu tư phát triển	418	(14.259.961.406)	249.762.904	(14.010.198.502)
		Điều chỉnh giảm quỹ đầu tư phát triển theo công văn số: 1655/TCTBĐATHHMN-TCKT ngày 11/6/2018 của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam: 339.287.003 VND				
		Điều chỉnh tăng quỹ đầu tư phát triển theo Biên bản kiểm toán Nhà nước ngày 09 tháng 10 năm 2018: (89.524.099) VND				
8	4211	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(17.681.509.820)	(208.889.565)	(17.890.399.385)
		- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước (2016)		-		
		- LNST chưa phân phối kỳ này (2017)		(17.681.509.820)	(208.889.565)	(17.890.399.385)

Ghi chú: Số bên nợ tài khoản kế toán dấu +, số bên có tài khoản kế toán trong ngoặc (...).

Ảnh hưởng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

STT	Số tài khoản	Nội dung tài khoản	Mã số	Năm 2017 trước điều chỉnh	Điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán Nhà nước ngày 09 tháng 10 năm 2018	Năm 2017 sau điều chỉnh
A	B	C	D	(1)	(2)	(3) = (1)+(2)
1	632	Giá vốn hàng bán	11	88.100.196.904	(314.208.251)	87.785.988.653
2	642	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	51.759.963.699	(58.808.830)	51.701.154.869
3	8211	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	14.004.496.925	74.603.417	14.079.100.342
4	421	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	55.269.242.682	298.413.664	55.567.656.346

6. Điều chỉnh trong báo cáo tài chính năm trước do các thay đổi trong chính sách kế toán của năm nay: Không có.

7. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty:

a Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

b Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

050117  
CÔNG TY  
CHUYÊN  
H VU T  
CHÍNH K  
A KIỂM T  
PHÍA NA  
PHỔ

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

**c. Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp ( xem thuyết minh V.1).

**d. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

**e. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:**

Tại ngày 31/12/2018	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 trở lên
Phải trả cho người bán	1.268.448.671	
Người mua trả tiền trước	122.433.934	
Phải trả người lao động	29.416.479.469	
Chi phí phải trả	-	
Các khoản phải trả phải nộp khác	3.407.639.154	411.272.720
<b>Cộng</b>	<b>34.215.001.228</b>	<b>411.272.720</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh.

**8. Thông tin về hoạt động liên tục**

Đến ngày 31/12/2018, Công ty không có ý định hoặc yêu cầu phải giải thể, ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động, tìm kiếm sự bảo hộ từ các chủ nợ theo pháp luật và quy định hiện hành.

**9. Thông tin về số liệu so sánh:**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS) và Số liệu này được điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán báo cáo tài chính các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2017 của Công ty TNHH Hàng Hải Hoa Tiêu Khu vực I ngày 09 tháng 10 năm 2018.

Người lập b

Kế toán trưởng

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
**Lê Anh Tuấn**

TP.HCM, ngày 28 tháng 01 năm 2019

Giám đốc



**GIÁM ĐỐC**  
**Quách Đình Hùng**